

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HS-ST
Ngày: 13 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và Bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2019/TLHS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Công T, sinh năm 1954, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Phùng Thị N (đều đã chết); có vợ là bà Chu Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 09/8/2019; tại ngoại - Có mặt.

- Bị hại: Chị Phan Thị H, sinh năm 1976;

Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2018, thông qua mạng xã hội Zalo, Nguyễn Công T kết bạn và nhắn tin làm quen với chị Phan Thị H trú tại thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hai người thường xuyên nhắn tin tâm sự chuyện cá nhân nên T biết chị H đang sống ly thân với chồng. Nói chuyện được một thời gian thì hai người nảy sinh tình cảm và đã nhiều lần hẹn nhau đến các nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn thị xã G để tâm sự và giao cấu với nhau. Trong đó có một lần vào khoảng tháng 10/2018, được sự đồng ý của chị H, T đã dùng điện thoại nhãn hiệu MobiStar quay lại hình ảnh giao cấu với chị H và lưu vào thẻ nhớ điện thoại.

Đến đầu tháng 7/2019, chị H muốn quay lại chung sống với chồng nên đề nghị chấm dứt mối quan hệ với T nhưng T không đồng ý. Th nhiều lần nhắn tin, gọi điện và gửi video hình ảnh giao cấu giữa T và chị H cho chị H xem và dọa nếu chị H không tiếp tục gặp gỡ thì T sẽ gửi video trên cho chồng và gia đình của chị H biết. Chị H đã nhiều lần xin T xóa đoạn video nhưng T không xóa mà tiếp tục đe dọa, ép buộc chị H phải tiếp tục gặp T. Do lo sợ chồng và gia đình biết chuyện nên chị H đề nghị T bán lại đoạn video để xóa. Lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H, T cho chị H đưa ra giá thì chị H hỏi “*Năm triệu có được không*”, T hỏi “*Sao ít thế*”, chị H trả lời “*Em không có tiền*”, thì T đồng ý bán đoạn video với giá 5.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu được giao cấu lần cuối với chị H.

Ngày 21/7/2019, chị H không lo đủ 5.000.000 đồng nên nhắn tin hỏi T “*Em chỉ có ba triệu được không anh?*”, thì T đồng ý và hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ H thuộc tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 22/7/2019, T mang theo chiếc điện thoại nhãn hiệu MobiStar gắn thẻ nhớ chứa đoạn video, đến nhà nghỉ H thuê phòng số 15 và đợi chị H. Khoảng 30 phút sau, chị H đến gặp T. Tại đây, chị H đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng, T nhận tiền bỏ vào ví da trong túi áo rồi mở điện thoại và thẻ nhớ để xóa đoạn video. Sau khi xóa xong đoạn video, T yêu cầu chị H cho T giao cấu, nhưng chưa kịp thực hiện thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G vào bắt quả tang cùng tang vật vụ án.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu đen, bị nứt vỡ màn hình, có gắn thẻ nhớ ghi dòng chữ Micro HC 02Gb, chứa đoạn Video tên VIP-20151003-183114.mp4 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu xám (*được niêm phong theo quy định*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu COGO C3 màu đen, đã qua sử dụng.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.000.000 đồng, gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 55/CTr-VKS ngày 07 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố Nguyễn Công T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Công T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về bồi thường thiệt hại: Chị Hằng đã nhận đủ số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên không đề nghị giải quyết.

Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố Hình sự đề nghị: Chấp nhận ngày 23/8/2019 và ngày 12/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa đã trả lại cho chị H số tiền 3.000.000 đồng, trả lại cho bị cáo chiếc

điện thoại di động nhãn hiệu Cogo C3; tịch thu, tiêu hủy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, gắn thẻ nhớ đoạn video vì chứa đựng hình ảnh trái với thuần phong mỹ tục và dữ liệu về bí mật đời tư cá nhân; tuyên trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu xám cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác lưu tại hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Nguyễn Công T và chị Phan Thị H có quan hệ tình cảm nên đã nhiều lần hẹn nhau đến các nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn thị xã G để tâm sự và thực hiện việc giao cấu. Trong lần giao cấu vào tháng 10/2018 T đã dùng điện thoại nhãn hiệu MobiStar quay lại hình ảnh giao cấu với chị H và lưu vào thẻ nhớ điện thoại. Từ tháng 7/2019 bị cáo thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng video này để uy hiếp tinh thần chị H, ngày 21/7/2019 bị cáo hẹn gặp chị H ở nhà H thuộc tổ 1, phường N, thị xã G yêu cầu giao số tiền 3.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Công T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền nhân thân và quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo đủ năng lực để nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và ngăn ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo có cha đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo. Đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ

một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đảm bảo mục đích của hình phạt.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại là chị Phan Thị H không yêu cầu bồi thường thiệt hại và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không đề cập giải quyết.

[7] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố Hình sự:

Đối với số tiền 3.000.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị hại, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu COGO C3 không phải là vật chứng vụ án và là tài sản hợp pháp của bị cáo. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa đã trả lại các tài sản này cho chị H và bị cáo T là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu xám không phải là vật chứng của vụ án và là tài sản hợp pháp của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, gắn thẻ nhớ đoạn video có chứa đựng hình ảnh trái với thuần phong mỹ tục, dữ liệu về bí mật đời tư cá nhân và là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 13/11/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Công T cho Ủy ban nhân dân phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Công T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố Hình sự:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa đã trả lại cho chị Phan Thị H số tiền 3.000.000 đồng, trả lại cho bị cáo Nguyễn Công T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu COGO C3.

Tịch thu, tiêu hủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu đen, bị nứt vỡ màn hình, có gắn thẻ nhớ ghi dòng chữ Micro HC 02Gb, chứa đoạn Video tên VIP-20151003-183114.mp4.

Trả lại cho Nguyễn Công T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu xám.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Phòng PC 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TX Gia Nghĩa;
- UBND phường N, Tx G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Thắm